

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: 215 – 217 Trương Hán Siêu, Phường Phú Mỹ, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: (0277) 3877 012 – Fax: (0277) 3877 029

Website: www.dopetco.com.vn

Email: info@dopetco.com



DOPETCO
VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

2 0 1 7



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

03

THÔNG TIN CHUNG

13

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC



45

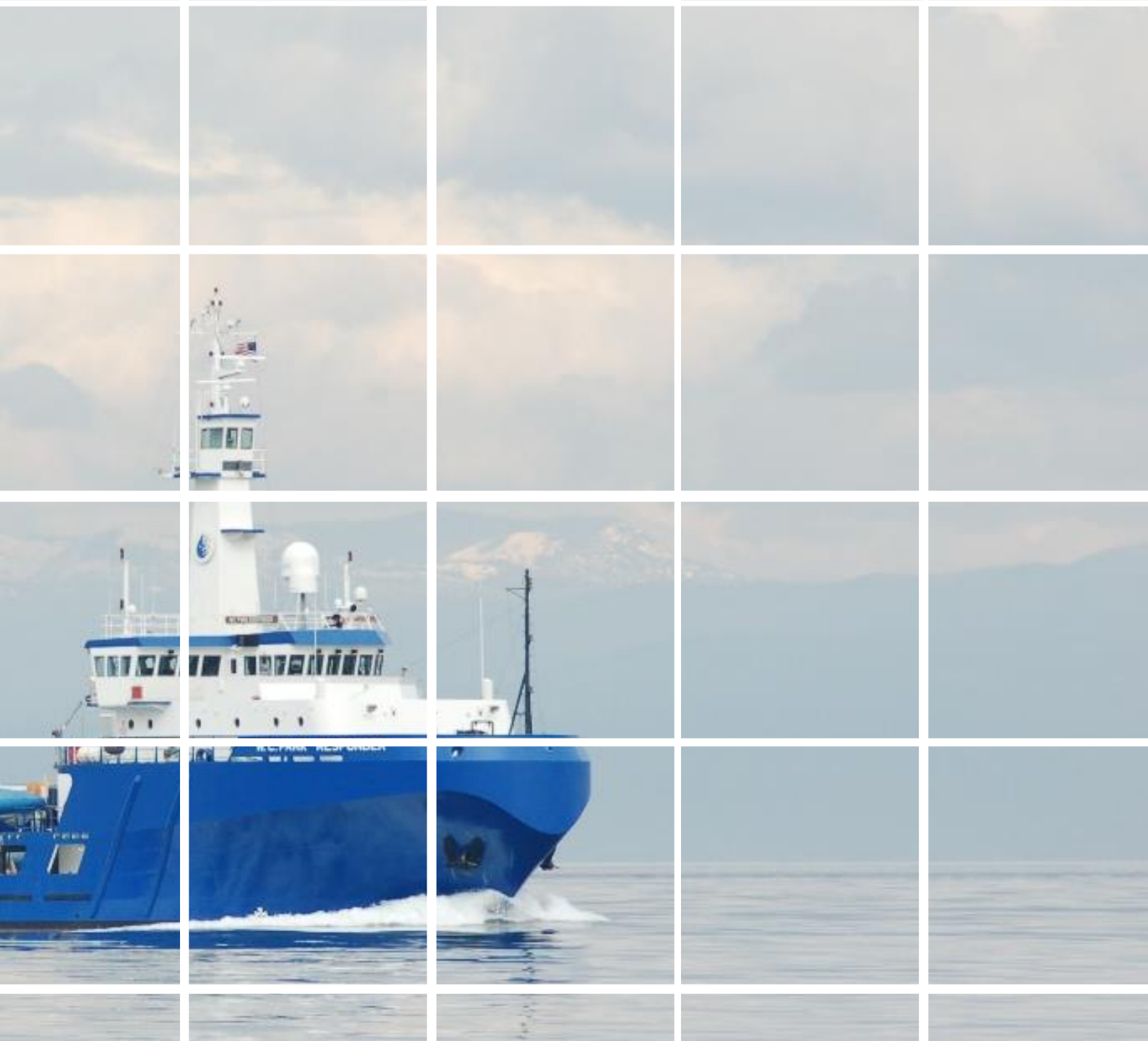
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

33

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

37

QUẢN TRỊ CÔNG TY



01

THÔNG TIN CHUNG

- ✓ Thông tin khái quát
- ✓ Quá trình hình thành & phát triển
- ✓ Ngành nghề kinh doanh
- ✓ Sơ đồ tổ chức
- ✓ Định hướng phát triển
- ✓ Các rủi ro



Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Giấy chứng nhận ĐKDN số:	1400475345 (số cũ 5103000024) do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 27/10/2014, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 07/05/2015
Vốn điều lệ:	43.705.100.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	43.705.100.000 đồng
Địa chỉ:	215 – 217 Trương Hán Siêu, Phường Phú Mỹ, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Số điện thoại:	0277 3877012
Số fax:	0277 3877029
Website:	www.dopetco.com.vn
Email:	info@dopetco.com
Mã cổ phiếu:	DOP
Logo:	



10/08/2004

UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành quyết định số 160/QĐ – UB – TL về việc cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải Xăng dầu thuộc Công ty Thương mại Dầu khí Đồng Tháp.

11/2004

Công ty Cổ phần Xăng Dầu Đồng Tháp đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Trong đó, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (sở hữu 51% cổ phần).

18/08/2011

Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 59/2011/GCNCP – CSD cho Công ty Cổ phần Xăng Dầu Đồng Tháp.



08/10/2015

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định số 657/QĐ – SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch của Công ty Cổ phần Xăng Dầu Đồng Tháp.

30/10/2015

Cổ phiếu DOP được giao dịch chính thức trên sàn Upcom.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

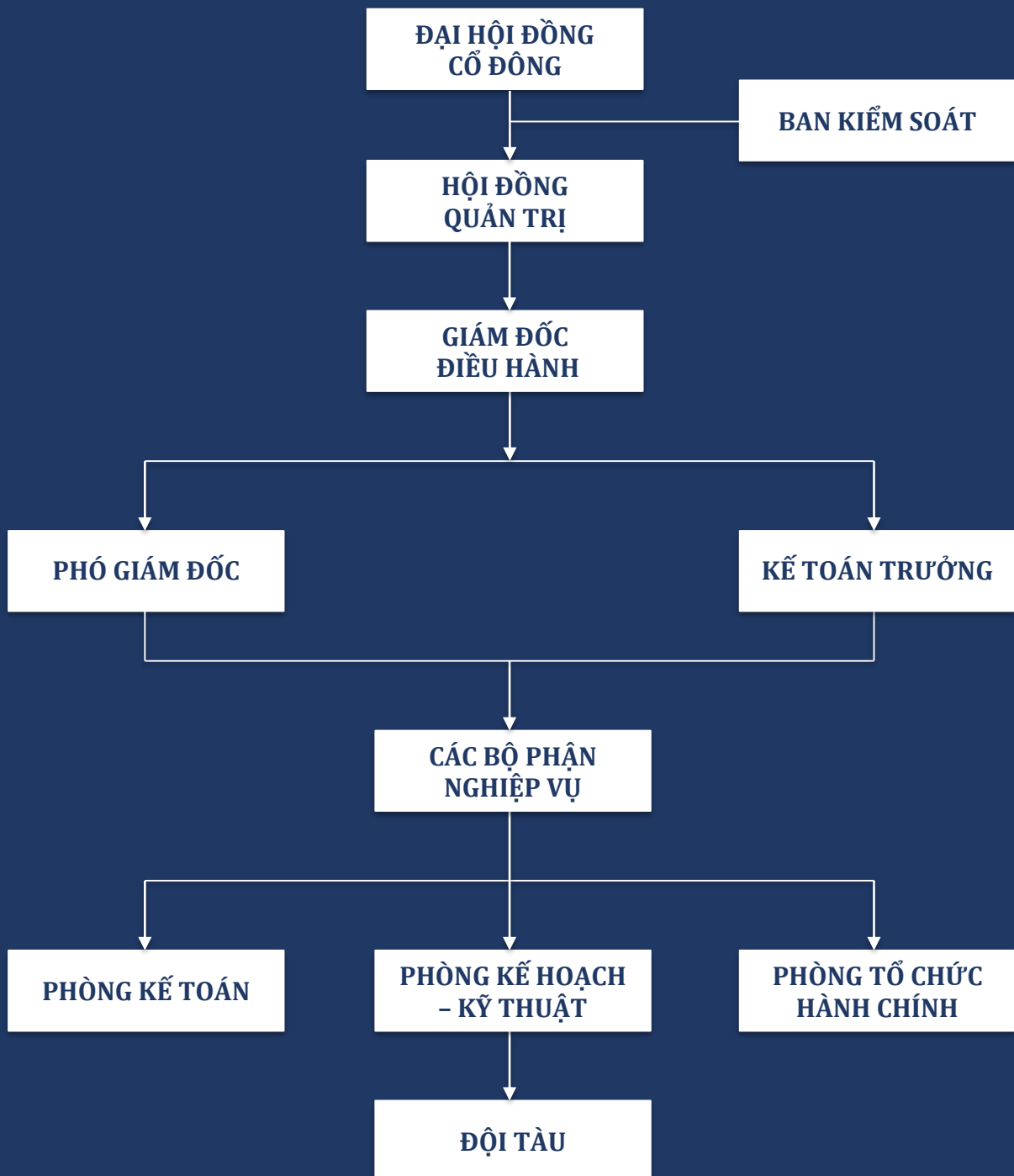
- ✓ Vận tải hàng hóa đường thủy và đường bộ nội địa;
- ✓ Vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy;
- ✓ Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- ✓ Mua bán và vận tải nhiên liệu lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: xăng, dầu, nhớt;
- ✓ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Cho thuê kho, bồn chứa xăng dầu, dịch vụ kho ngoại quan;
- ✓ Kinh doanh dịch vụ Logistic.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Vận chuyển xăng, dầu, nhớt, khí hóa lỏng, các sản phẩm dầu mỏ và các hàng hóa khô từ các tỉnh miền Đông Nam Bộ, TP. Hồ Chí Minh, đến các tỉnh miền Tây Nam Bộ và Campuchia.



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không.

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Trong ngắn hạn, Công ty đề ra những mục tiêu phát triển như sau:

- ✓ Nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng dịch vụ nhằm đảm bảo kết quả kinh doanh, lợi nhuận đạt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- ✓ Mở rộng thị phần trong lĩnh vực kinh doanh hiện tại và tìm kiếm cơ hội trong các ngành có liên quan khác. Bên cạnh đó, Công ty cũng lên kế hoạch mở rộng địa bàn hoạt động của Công ty.
- ✓ Tìm kiếm, thu hút nhân lực chất lượng cao, tăng cường công tác đào tạo về kỹ năng làm việc, kỹ năng lãnh đạo để từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên có chất lượng.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- ✓ Xây dựng đội tàu chuyên nghiệp và hiện đại để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và từng bước xây dựng thương hiệu DOPETCO trong lĩnh vực vận tải xăng dầu.
- ✓ Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch, năng động và thân thiện để nhân viên phát huy khả năng sáng tạo, từng bước xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng.
- ✓ Xây dựng, củng cố và mở rộng quan hệ với các tổ chức, cá nhân là đối tác chiến lược tại thị trường nội địa, thị trường Campuchia. Tích cực tìm kiếm, mở rộng nguồn khách hàng tại các khu vực lân cận nhằm đảm bảo việc tăng trưởng doanh thu bền vững trong tương lai.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- ✓ Đảm bảo các quy định về an toàn lao động và an toàn giao thông, các quy định về bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.
- ✓ Đóng góp vào sự phát triển của địa phương về cả phương diện kinh tế và xã hội thông qua các hoạt động tình nguyện, hoạt động từ thiện địa phương.

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới trên đà phục hồi, tổng sản phẩm trong nước (GDP) Việt Nam đã tăng trưởng 6,81%, vượt chỉ tiêu 6,7% do Chính phủ đề ra cho năm 2017 (theo Tổng cục thống kê). Tuy nhiên, các biến động từ chính trị, kinh tế, xã hội thế giới có thể sẽ ảnh hưởng đến quá trình tăng trưởng của một số quốc gia, trong đó có Việt Nam, cụ thể đối với việc mở rộng phạm vi hoạt động hoặc gây khó khăn xuất khẩu. Bên cạnh đó, tình hình lạm phát và lãi suất vẫn được kiểm soát ổn định, tỷ giá USD/VND biến động trong biên độ đã đảm bảo doanh thu cũng như kế hoạch trả nợ lãi vay ngân hàng của Công ty, đặc biệt khi năm 2018 sắp tới, DOPETCO có thể sẽ vay nợ để đầu tư thêm phương tiện, các loại máy móc, thiết bị hiện đại để phục vụ cho quá trình hoạt động và tăng trưởng của Công ty.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Các thay đổi từ chính sách, cải cách các văn bản Luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Hàng hải, các tiêu chuẩn ngành... sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, nhất là trong giai đoạn hội nhập hiện nay, khi Chính Phủ chủ trương xây dựng hệ thống luật hướng đến một nền kinh tế mở. Do đó, Công ty luôn cập nhật và nắm bắt sự thay đổi trong các văn bản luật liên quan và linh hoạt điều chỉnh hoạt động của mình nhằm tránh các vi phạm ảnh hưởng tài chính và hình ảnh của Công ty trên thị trường.



RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU: Các sản phẩm vận chuyển chính của Công ty gồm xăng, dầu các loại chịu ảnh hưởng khá lớn từ biến động giá dầu thế giới, nhất là khi giá dầu hiện tại đang liên tục biến động phức tạp và chính sách thuế, phí vận chuyển đường biển hay xuất nhập khẩu các loại xăng, dầu, nhớt được Chính phủ các nước áp đặt ở mức cao để hạn chế số lượng sử dụng có thể gây khó khăn cho Công ty.

RỦI RO CHÁY, NỔ: Nguy cơ cháy, nổ từ việc vận chuyển các chất dễ bắt lửa như xăng, dầu sẽ có thể gây thiệt hại lớn về tính mạng và tài sản, đồng thời làm gián đoạn các hoạt động kinh doanh của Công ty và ảnh hưởng môi trường. Vì thế, Công ty luôn cẩn trọng trong các hoạt động vận tải và lưu kho các loại mặt hàng, đảm bảo các thiết bị hỗ trợ an toàn và hướng dẫn sơ cứu, nâng cao kiến thức về nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên.



RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Hoạt động vận tải, kinh doanh xăng dầu đường thủy luôn tiềm ẩn các nguy cơ tác động đến môi trường. Các rủi ro tràn dầu, cháy, nổ trong quá trình vận chuyển sẽ ảnh hưởng rất lớn đến môi trường nước. Đặc biệt trong thời gian gần đây, người dân đã nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và đánh giá các doanh nghiệp dựa trên việc tuân thủ luật bảo vệ môi trường đi cùng với trách nhiệm xã hội. Vì vậy, công tác đảm bảo an toàn, kiểm soát quá trình hoạt động luôn được DOPETCO chú trọng vì đây chính là nguy cơ dẫn đến việc rò rỉ xăng dầu ảnh hưởng đến môi trường nước.

RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những rủi ro chính thì quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu tác động bởi những rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh,... Để phòng ngừa và hạn chế tác động nếu có, Công ty luôn chú trọng công tác phòng ngừa rủi ro, dự đoán tình hình xã hội, tình hình thời tiết khu vực để có thể phản ứng kịp thời và hạn chế thiệt hại nếu có.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ✓ Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh
- ✓ Tổ chức nhân sự
- ✓ Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- ✓ Tình hình tài chính
- ✓ Cơ cấu cổ đông
- ✓ Báo cáo phát triển bền vững



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Khoản mục	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	TH 2017/2016
Doanh thu thuần	Tr. đồng	55.498	61.337	10,52%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	10.955	11.695	6,75%
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	8.810	9.565	8,57%

Năm 2017, hoạt động vận tải nói chung và vận tải xăng dầu nói riêng bước đầu có sự tăng trưởng song vẫn còn nhiều khó khăn. Giá xăng dầu trên thị trường biến động, xuất hiện thêm nhiều đầu mối nhập khẩu xăng dầu, các chủ hàng dần chuyển sang giao nhận hàng bằng đường bộ hay việc chỉnh sửa, bổ sung trong tiêu chuẩn kỹ thuật ngành... cũng đã phần nào tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Vận tải xăng dầu Đồng Tháp. Tuy nhiên, với những nỗ lực trong quá trình hoạt động và những kế hoạch kinh doanh phù hợp, DOPETCO đã đạt được kết quả kinh doanh khả quan cho năm 2017. Cụ thể, doanh thu thuần của Công ty tăng 10,52% so với năm 2016, tăng từ 55,498 tỷ đồng năm 2016 lên đến 61,34 tỷ đồng năm 2017. Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 11,695 tỷ đồng và 9,565 tỷ đồng, tương đương tăng trưởng 6,75% và 8,57% so với năm trước.

CƠ CẤU DOANH THU

Khoản mục	ĐVT	Năm 2016		Năm 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Vận chuyển xăng dầu trong nước	Tr. Đồng	28.380	51,14%	24.600	38,11%
Vận chuyển xăng dầu tái xuất	Tr. Đồng	27.118	48,86%	36.737	56,92%
Doanh thu khác	Tr. Đồng	-	-	3.209	4,97%
Tổng cộng	Tr. Đồng	55.498	100%	64.546	100%

Cơ cấu doanh thu của DOPETCO trong năm 2017 có biến động khá lớn so với năm 2016, trong đó, tỷ trọng vận chuyển xăng dầu trong nước giảm từ 51,14% còn 38,11% trong khi tỷ trọng doanh thu vận chuyển xăng dầu tái xuất tăng đáng kể từ 48,86% trong năm 2016 lên 56,92%. Ngoài ra, trong năm Công ty cũng ghi nhận khoản doanh thu khác chiếm tới 4,97% tỷ trọng doanh thu.

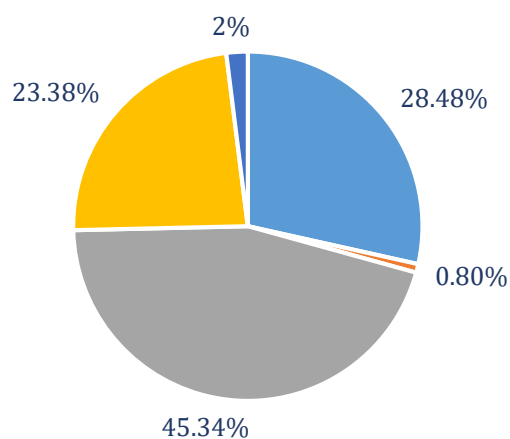
So với năm 2016, doanh thu vận chuyển xăng dầu trong nước là 24,6 tỷ đồng, giảm 13,32%; doanh thu vận chuyển xăng dầu tái xuất là 36,737 tỷ đồng, tăng mạnh 35,47% và doanh thu khác là 3,2 tỷ đồng. Nguyên nhân chuyển dịch cơ cấu hoạt động của DOPETCO đến từ việc khối lượng hàng hóa vận chuyển tái xuất tăng mạnh, Công ty nhận thêm được nhiều đơn hàng với tải trọng lớn hơn. Tuy nhiên, giá cước vận chuyển giảm và sự gián đoạn trong quá trình khai thác, các đầu mối nhập khẩu và vận chuyển xăng dầu trong nước tăng lên đã khiến doanh thu từ hoạt động vận chuyển xăng dầu trong nước giảm.

CƠ CẤU CHI PHÍ

Khoản mục	ĐVT	Năm 2016		Năm 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Giá vốn hàng bán	Tr. Đồng	12.850	28,48%	17.028	32,22%
Chi phí tài chính	Tr. Đồng	370	0,8%	457	0,86%
Chi phí bán hàng	Tr. Đồng	20.455	45,34%	25.995	49,18%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr. Đồng	10.546	23,38%	9.372	17,73%
Chi phí khác	Tr. Đồng	891	1,98%	-	-
Tổng cộng	Tr. Đồng	45.112	100%	52.852	100%

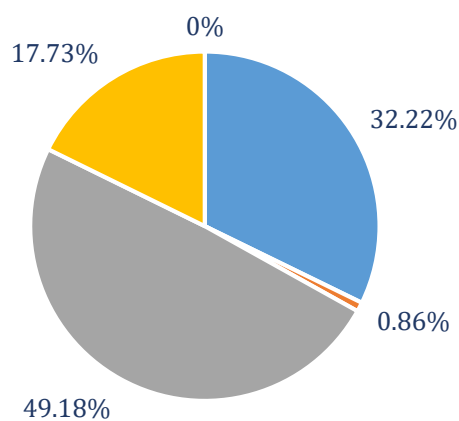
Do doanh thu tăng kéo theo cơ cấu chi phí của Công ty tăng để đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể, tổng chi phí năm 2017 là 52,852 tỷ đồng, tăng 17,16% so với năm trước. Trong đó, chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng cao nhất là 49,18%, tăng 27,08% so với năm trước và giá vốn hàng bán là 17,028 tỷ đồng, tăng 32,51%. Ngoài ra, chi phí quản lý doanh nghiệp là 9,372 tỷ đồng, giảm 17,73% chủ yếu do chi phí quản lý các doanh nghiệp khác giảm.

Cơ cấu chi phí năm 2016



- GVHB
- CP tài chính
- CP bán hàng
- CP quản lý doanh nghiệp
- CP khác

Cơ cấu chi phí năm 2017



- GVHB
- CP tài chính
- CP bán hàng
- CP quản lý doanh nghiệp
- CP khác

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Hoàng Quân	Thành viên HĐQT kiêm GD	458.022	10,48%
2	Mai An Mỹ	Thành viên HĐQT kiêm Phó GD	98.010	2,24%
3	Lê Thị Thanh	Kế toán trưởng	3.646	0,08%

SƠ YẾU LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Nguyễn Hoàng Quân – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	
Năm sinh	24/10/1979
Nơi sinh	Đồng Tháp
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kinh tế
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	12.231 cổ phiếu
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	445.791 cổ phiếu

Ông Mai An Mỹ – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	
Năm sinh	07/07/1961
Nơi sinh	Đồng Tháp
Trình độ chuyên môn	Đại học Tài chính – Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	98.010 cổ phiếu
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

Bà Lê Thị Thanh – Kế toán trưởng	
Năm sinh	02/09/1967
Nơi sinh	Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn	Đại học Tài chính – Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	3.646 cổ phiếu
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2017

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Giới tính		
1	Nam	96	95,05
2	Nữ	5	4,95
II	Trình độ		
1	Đại học	12	11,88
2	Cao đẳng	4	3,96
3	Trung cấp	83	82,18
4	Trình độ khác	2	1,98
III	Hợp đồng lao động		
1	Dài hạn	101	100
2	Thời vụ	-	-
Tổng cộng		101	100

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG VÀ TRỢ CẤP

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Thu nhập bình quân	Đồng/người/ tháng	6.500.000	7.600.000	7.500.000

Hàng năm Công ty đều trả lương cho người lao động đúng hạn, không xảy ra tình trạng thiếu hụt, nợ lương. Lương của từng nhân viên được tính dựa theo chức danh, năng lực làm việc của từng cá nhân. Ngoài ra, Công ty còn xem xét nâng lương theo hệ số, qua việc đánh giá hiệu quả làm việc cũng như thành tích đóng góp của mỗi cá nhân theo định kỳ hàng năm. Ngoài mức lương cơ bản, Công ty còn có chính sách khen thưởng nhằm tạo động lực trong công tác cho những cán bộ công nhân viên có thành tích cao trong công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh, các cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc. Người lao động được bảo đảm mọi quyền lợi quy định trong Luật Lao động như: Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp...

Môi trường làm việc trong Công ty luôn được đảm bảo về chế độ an toàn, vệ sinh lao động, mỗi nhân viên luôn được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ. Trang thiết bị, dụng cụ luôn được cải tiến, đổi mới để cải thiện điều kiện làm việc. Công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ mỗi năm một lần. Nếu phát hiện người lao động mắc bệnh nghề nghiệp hoặc mãn tính do ảnh hưởng của nghề nghiệp, Công ty sẽ có trách nhiệm bố trí cho người lao động chữa trị.

Bên cạnh việc thực hiện các chính sách lương thưởng, chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp theo quy định pháp luật, DOPETCO còn áp dụng các chế độ phúc lợi như: thưởng vào các ngày lễ lớn, tổ chức nghỉ mát hàng năm. Ngoài ra cán bộ nhân viên nữ được hỗ trợ nhân ngày Quốc tế Phụ nữ, ngày Phụ nữ Việt Nam và hỗ trợ thai sản.

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Công ty luôn có ý thức trong việc đào tạo nguồn năng lực sẵn có nhằm nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty. Nhiều hình thức đào tạo được áp dụng phù hợp với năng lực người lao động, tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát triển kỹ năng như hình thức đào tạo chính quy, tại chỗ và tự đào tạo; Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn cũng như dài hạn cho nhân viên, đào tạo cán bộ nòng cốt trở thành lực lượng quản lý, lãnh đạo phục vụ nhu cầu phát triển dài hạn của Công ty.

Ngoài ra, Công ty còn tập trung huấn luyện sĩ quan, thuyền viên có trình độ cao, chuyên môn sâu, kết hợp với bổ sung cán bộ có đầy đủ năng lực và kinh nghiệm để đáp ứng nhu cầu phát triển và chỉ tiêu đề ra hàng năm của Công ty.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN TRONG NĂM

Năm 2017, Công ty đầu tư đóng mới 01 tàu chở dầu tải trọng 2.400 tấn nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải xăng, dầu tái xuất qua Cambodia.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không.



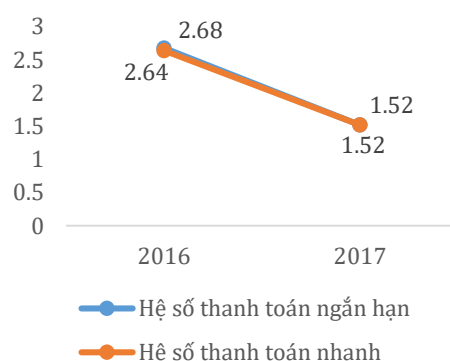
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Tr. đồng	74.118	78.944	6,51%
Doanh thu thuần	Tr. đồng	55.498	61.337	10,52%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đồng	11.794	9.880	-16,23%
Lợi nhuận khác	Tr. đồng	-839	1.814	-316,21%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	10.955	11.694	6,75%
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	8.810	9.565	8,57%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%			

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

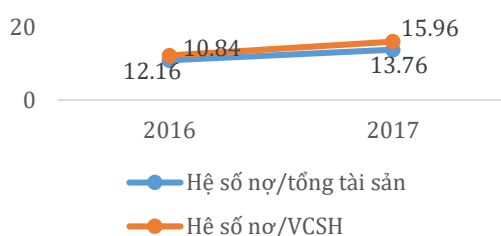
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,68	1,52
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,64	1,52
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	10,84	13,76
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	12,16	15,96
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	92,45	118,66
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,76	0,80
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	15,87	15,59
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	13,33	14,26
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	12,14	12,50
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	21,25	16,11

Hệ số thanh toán nhanh và ngắn hạn của Công ty đều giảm trong năm 2016. Hệ số thanh toán nhanh từ 2,64 lần giảm còn 1,52 lần, tương tự, hệ số thanh toán ngắn hạn từ 2,68 lần giảm còn 1,52 lần. Nguyên nhân chủ yếu là do tài sản ngắn hạn và hàng tồn kho giảm mạnh trong khi nợ ngắn hạn tăng. Cụ thể, các khoản tương đương tiền giảm hơn 5 tỷ đồng từ 9,012 tỷ còn 4 tỷ đồng. Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn một tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp có lãi suất từ 4,7% năm. Hàng tồn kho tại ngày 31/12/2017 chỉ còn 62 triệu đồng (nguyên liệu, vật liệu).

KHẢ NĂNG THANH TOÁN



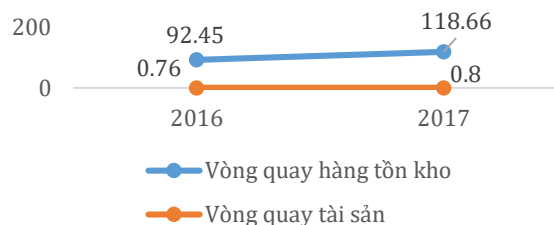
CƠ CẤU VỐN



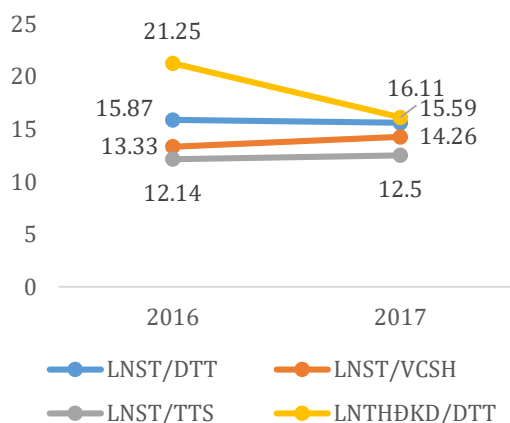
Công ty sử dụng phần lớn vốn chủ sở hữu trong cơ cấu vốn của mình, từ đó làm giảm khả năng rủi ro tài chính trong quá trình hoạt động. Nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nợ và có xu hướng tăng trong năm 2017, từ 6,721 tỷ đồng lên 8,976 tỷ đồng. Điều này làm cho hệ số nợ/tổng tài sản tăng từ 10,84% lên 13,76% và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu từ 12,16% tăng lên 15,96%.

Hệ số doanh thu thuần/ tổng tài sản tăng từ 0,76 lên 0,80 lần cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản để tạo ra doanh thu của Công ty đang có những tín hiệu tích cực. Hoạt động trong lĩnh vực vận tải xăng dầu nên hàng tồn kho của Công ty thường có giá trị không cao do chủ yếu là nhiên liệu dự trữ để sử dụng, điều này làm cho chỉ số vòng quay hàng tồn kho của Công ty thường cao 92,45 vòng năm 2016 và 118,66 vòng năm 2017.

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



KHẢ NĂNG SINH LỜI



Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời cho thấy Công ty đã có một năm hoạt động hiệu quả. Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu tăng từ 13,33% lên 14,26% và hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản tăng từ 12,14% lên 12,50%. Tuy nhiên, hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần giảm từ 21,25% năm 2016 xuống còn 16,11% năm 2017 và hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần năm 2017 là 15,59%, thấp hơn mức 15,87% trong năm 2016, nguyên nhân là do chi phí bán hàng trong năm tăng mạnh từ 20,455 tỷ đồng lên 25,995 tỷ đồng.

CỔ PHẦN

Vốn điều lệ: 43.705.100.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 4.370.510 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ phiếu thường: 4.370.510 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4.370.510 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 31/12/2017

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông trong nước	291	4.370.510	100
	- Tổ Chức	5	2.622.631	60,01
	- Cá nhân	286	1.747.879	39,99
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	- Tổ chức	-	-	-
	- Cá nhân	-	-	-
	Tổng cộng	291	4.370.510	100

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	1400147351	140, QL 30, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp	2.228.960	51,00%
Công ty TNHH TM Vận Tải Thành Lược	0301441248	67 Nguyễn Tất Thành, P.13, Q.4, TP, HCM	235.000	5,38%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU: Không.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành vận tải, các nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là các vật tư, thiết bị phục vụ cho sửa chữa các phương tiện như xà lang, tàu, thuyền... Công ty cũng có kế hoạch xử lý, thu hồi phế liệu theo quy trình cấp phát vật tư trong trường hợp các thiết bị máy móc bị hỏng hóc, không sử dụng được, đảm bảo nâng cao công tác quản lý và sử dụng hiệu quả.

Đặc thù mặt hàng vận chuyển của Công ty là dầu, nhớt, khí hóa lỏng nên Công ty luôn chú trọng đến công tác quản lý nguồn nhiên liệu này, tránh gây rò rỉ khi đang vận chuyển, gây ảnh hưởng đến môi trường sống xung quanh và gây ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động trong Công ty.

TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

Công ty đã đưa ra nhiều biện pháp tiết kiệm nhiên liệu, một mặt để cắt giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, mặt khác góp phần bảo vệ môi trường. Cụ thể: Công ty lựa chọn mua các phương tiện thiết bị hiện đại, tiêu hao ít nhiên liệu; xây dựng và thực hiện triệt để quy trình khai thác tiết kiệm nhiên liệu; thường xuyên đánh giá và tổ chức định mức tiêu hao nhiên liệu cho từng loại phương tiện, thiết bị phù hợp với từng điều kiện hoạt động khai thác.

TÌNH HÌNH TIÊU THỤ NƯỚC

Khối lượng nước Công ty mua một phần để cung cấp nước ngọt cho nhân viên trên tàu, nhân viên văn phòng, một phần sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Để hạn chế tác động của nước thải phát sinh từ hoạt động của Công ty đến môi trường, Công ty đã đưa ra các biện pháp cũng như phương án đề phòng ô nhiễm như sau: Sử dụng tiết kiệm, hợp lý nguồn nước, định kỳ kiểm tra các thông số ô nhiễm trong nước thải tại cuối cống thải để theo dõi và có biện pháp phòng chống, xử lý kịp thời.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Hiện nay, mức lương trung bình của cán bộ công nhân viên trong Công ty là 7.500.000 đồng. Ngoài việc cung cấp đầy đủ các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội... Công ty còn tổ chức tặng quà, hỗ trợ tiền mặt cho nhân viên vào các dịp Lễ, Tết...

Bên cạnh đó, thường thêm cho cá nhân có thành tích nổi trội, có sáng kiến trong quá trình tham gia hoạt động kinh doanh; Khuyến khích nhân viên đưa ra những ý tưởng mới, góp phần vào quá trình phát triển bền vững của Công ty.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty nghiêm túc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm 2017, Công ty không vi phạm luật pháp và các quy định về môi trường.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Nhiều năm qua, DOPETCO xác định các công việc liên quan đến trách nhiệm cộng đồng là hoạt động không thể thiếu trên con đường phát triển kinh doanh của mình. Cụ thể nhất là Công ty đã xác định mục tiêu của các hoạt động là hướng đến cộng đồng chung, và trong phạm vi gần nhất là địa phương nơi Công ty sản xuất kinh doanh.

Công ty luôn kêu gọi, khuyến khích nhân viên phối hợp thực hiện các hoạt động tình nguyện, giúp đỡ những cá nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, luôn tích cực trong cộng tác, san sẻ một phần lợi nhuận của mình để giúp đỡ những nạn nhân bão lụt miền Trung.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Không.

03

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- ✓ **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- ✓ **Tình hình tài chính**
- ✓ **Những cải tiến trong năm**
- ✓ **Báo cáo trách nhiệm với môi trường và xã hội**



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHUNG

Khoản mục	ĐVT	KH 2017	TH 2017	So với kế hoạch
Tổng doanh thu	Tr. Đồng	52.000	64.546	124,12%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	9.500	11.695	123,11%

Ngành vận tải xăng dầu đường biển trong năm 2017 vừa qua trong bước đầu tăng trưởng. Tuy nhiên, một phần từ tác động của điều kiện tự nhiên và hệ thống chuyên chở trong nước có khối lượng nhỏ và cự ly ngắn nên chưa đạt tối đa công suất chuyên chở của đội tàu Công ty. Tuy nhiên, do được khách hàng tín nhiệm và nhu cầu vận chuyển hàng lỏng khác ngoài xăng dầu như mật mía... đã giúp DOPETCO hoàn thành tốt kế hoạch năm 2017. Trong đó, tổng doanh thu đạt 124,12% và lợi nhuận trước thuế đạt 123,11%.

THUẬN LỢI:

- ✓ Qua nhiều năm hoạt động, các hoạt động kinh doanh của Công ty dần được sự tín nhiệm của khách hàng. Với mức giá hợp lý và chất lượng cung cấp dịch vụ, sản phẩm ổn định, Công ty dần khẳng định vị thế của mình trong ngành cũng như chỗ đứng ở địa bàn từ miền Đông đến miền Tây Nam bộ và cả Campuchia.
- ✓ Các nguồn hàng của Công ty dần phát triển đa dạng và khai thác thêm khách hàng mới.
- ✓ Công ty sở hữu đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, luôn có ý thức, trách nhiệm trong mọi nhiệm vụ được giao, hoàn thành công việc một cách hiệu quả và nhanh chóng nhất.

KHÓ KHĂN:

- Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành vận tải ngày càng gay gắt. Số lượng đội tàu của từng Công ty khá dồi dào, tuy nhiên nhu cầu về dịch vụ vận chuyển ngày càng thấp, dẫn đến cạnh tranh về giá cước, thời gian tàu đậu nhiều.
- Những thay đổi, điều chỉnh của nhà nước về một số tiêu chuẩn kỹ thuật ngành gây ảnh hưởng đến thời gian khai thác của phương tiện.
- Các chủ hàng thay đổi chiến lược trong hoạt động thương mại, hạn chế hàng qua kho trung gian, tập trung giao nhận hàng tại các kho đầu mối, đẩy mạnh việc giao hàng bằng phương thức đường bộ... Đa số đều có xu hướng lựa chọn các phương thức vận tải giá rẻ nhưng chất lượng dịch vụ tương đương.

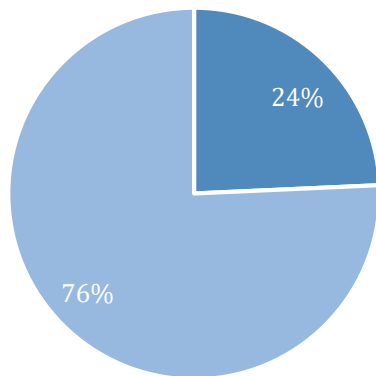


TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017	% tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	Tr. đồng	17.999	13.686	-23,96%
Tài sản dài hạn	Tr. đồng	56.119	65.258	16,29%
Tổng tài sản	Tr. đồng	74.118	78.944	6,51%

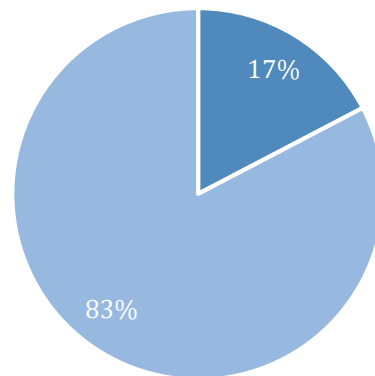
Tổng tài sản năm 2017 tăng 6,51% so với năm 2016, từ 74,118 tỷ đồng lên 78,944 tỷ đồng, chủ yếu do tài sản dài hạn tăng hơn 9 tỷ đồng. Tuy nhiên, tài sản ngắn hạn lại giảm 23,96%, từ 17,999 tỷ đồng còn 13,686 tỷ đồng. Việc giảm trong tài sản ngắn hạn đến từ khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền giảm hơn 5 tỷ đồng từ 9,012 tỷ còn 4 tỷ đồng. Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn một tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp có lãi suất từ 4,7% năm. Thêm vào đó, hàng tồn kho tại ngày 31/12/2017 chỉ còn 62 triệu đồng (nguyên liệu, vật liệu) cũng góp phần vào việc tài sản ngắn hạn của Công ty giảm so với năm trước.

Năm 2016



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

Năm 2017



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

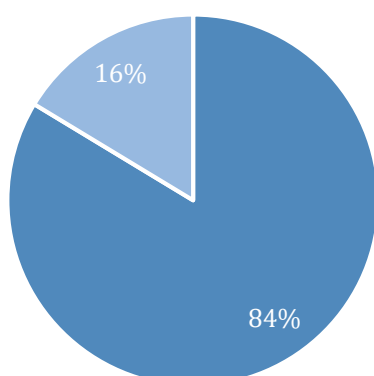
TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017	% tăng/giảm
Nợ ngắn hạn	Tr. đồng	6.721	8.976	33,55%
Nợ dài hạn	Tr. đồng	1.313	1.889	43,87%
Tổng nợ phải trả	Tr. đồng	8.034	10.685	35,24%

Nợ phải trả của Công ty chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu vốn, chủ yếu là nợ ngắn hạn nên rủi ro kiệt quệ tài chính của công ty là rất thấp.

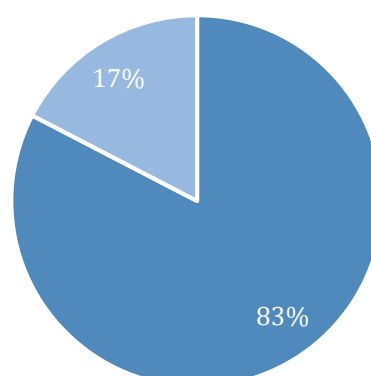
Các khoản nợ của Công ty tăng do sự gia tăng của các khoản nợ ngắn hạn như vay nợ và thuê tài chính ngắn hạn, thuế và các khoản phải trả cho nhà nước, phải trả người lao động... Trong năm 2017, khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng từ 1,316 lên 2,647 tỷ đồng là khoản mục tăng nhiều nhất trong cơ cấu nợ ngắn hạn. Bên cạnh đó, khoản vay dài hạn thế chấp dài hạn tăng khoảng 500 triệu đồng cũng đóng góp vào tăng trưởng của tổng nợ.

Năm 2016



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

Năm 2017



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

- √ Hoàn chỉnh đồng bộ hệ thống các quy chế, quy định nội bộ đảm bảo tuân thủ theo pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý. Đưa ra những giải pháp nhằm giải quyết những vấn đề khó khăn một cách kịp thời, nhanh chóng.
- √ Đẩy mạnh và làm tốt công tác tiếp thị, xây dựng chính sách Marketing linh hoạt, nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo uy tín với khách hàng. Tập trung quản lý, chú trọng công tác bảo quản bảo dưỡng các phương tiện thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng
- √ Nâng cao chất lượng dịch vụ bằng cách tăng cường công tác chỉ huy, điều hành, bám sát từng ca, từng mảng, tiến độ của từng tàu để bố trí phương tiện thiết bị phù hợp, nâng cao chất lượng giao nhận. Thực hiện nghiêm kỷ luật lao động, nâng cao tinh thần, ý thức trách nhiệm của cán bộ công nhân viên.



Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường nội địa và năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2018 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2018
1	Dịch vụ VC xăng dầu trong nước	Triệu đồng	24.000
2	Dịch vụ VC xăng dầu tái xuất	Triệu đồng	28.000
3	Doanh thu khác	Triệu đồng	2.000
	Tổng cộng	Triệu đồng	54.000

CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng dịch vụ nhằm đảm bảo kết quả kinh doanh, lợi nhuận đạt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao ý thức của đội ngũ thuyền viên, hạn chế tối đa tai nạn giao thông, bảo quản tốt máy móc, hạn chế sửa chữa nhằm tiết kiệm chi phí.

Chủ động phối hợp với phía chủ hàng có kế hoạch vận chuyển hàng hợp lý nhằm tăng cường quãng đường có hàng cho phương tiện.

ĐỐI VỚI VẬN CHUYỂN HÀNG TÁI XUẤT: Củng cố mối quan hệ với đối tác truyền thống

Xúc tiến tìm kiếm thêm nguồn hàng vận chuyển mới, cả trong vận chuyển nội địa và vận chuyển hàng tái xuất.

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG THANH LÝ TÀU CŨ, ĐẦU TƯ

Tiếp tục xin ý kiến chào bán các tàu khai thác không hiệu quả, các tàu chuẩn bị hết niên hạn khai thác.

CÔNG TÁC AN TOÀN GIAO THÔNG, PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ

Tiếp tục phát động, triển khai các phong trào thi đua cho các tàu thông qua các tổ chức đoàn, hội, lồng ghép vào công tác thi đua, khen thưởng tại đơn vị.



Công ty đã thực hiện những chính sách nhằm giảm thiểu tối đa lượng chất thải trong quá trình vận hành đội tàu. Trong quá trình hoạt động, luôn đề cao ý thức bảo vệ môi trường, hạn chế gây ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân vùng lân cận. Tổ chức, huấn luyện cán bộ công nhân viên xử lý kịp thời các tình huống nguy hiểm xảy ra, tránh gây rò rỉ dầu, xăng, nhớt trong quá trình vận chuyển, làm ô nhiễm nguồn nước cũng như bảo vệ sức khỏe của người lao động.

Bên cạnh đó, Cán bộ nhân viên trong công ty luôn được trả lương đúng hạn, không xảy ra tình trạng thiếu hay nợ lương. Ngoài thực hiện những chính sách của Luật lao động, Công ty còn tổ chức các hoạt động tập thể, nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết, gắn bó giữa các nhân viên trong Công ty. Khen thưởng những cá nhân, tập thể có ý tưởng, sáng kiến trong quá trình hoạt động, nâng cao hiệu suất làm việc, đặc biệt khuyến khích người lao động gắn bó với sự phát triển bền vững của Công ty.

Ngoài các hoạt động kinh doanh, DOP đã tham gia tích cực các hoạt động mà địa phương đề ra. Góp một phần lợi nhuận của mình vào công cuộc nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng, luôn đi đầu trong các hoạt động như: đóng góp giúp đỡ bà con lũ lụt miền Trung, xây dựng nhà tình thương cho người già neo đơn, bà mẹ Việt Nam anh hùng, các công trình công ích nhằm phục vụ cho cuộc sống sinh hoạt của người dân địa phương...



04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ✓ Về các mặt hoạt động của Công ty
- ✓ Về hoạt động của Ban Giám đốc
- ✓ Các kế hoạch, định hướng của HĐQT



Với các khó khăn mà Công ty phải đối mặt trong năm 2017, đặc biệt là sự cạnh tranh gay gắt trong ngành vận tải xăng dầu đường biển, giá xăng dầu trên thị trường biến động và thiên lai, lũ lụt đã phần nào ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của ban lãnh đạo và người lao động Công ty, DOP đã hoàn thành việc thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch và mang lại ích cho cổ đông.

Kết quả cho thấy lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 9,565 tỷ đồng. Công tác tài chính, kế toán và nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước cũng được Công ty thực hiện tốt; Chất lượng hàng hóa vận chuyển được đảm bảo; Tiền lương, thưởng cho người lao động được duy trì ổn định; Các yêu cầu tuân thủ pháp luật về môi trường, an toàn lao động được thực hiện đầy đủ; ...

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc đã hoàn thành trách nhiệm định hướng và chỉ đạo kịp thời trong năm 2017. Các kế hoạch phát triển phù hợp cũng như trình độ chuyên môn cao, nhiều năm kinh nghiệm quản lý của Ban Giám đốc đã giúp DOP triển khai thực hiện những chiến lược mà Hội đồng quản trị đề ra một cách nhanh chóng, đúng hướng và hiệu quả, duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động cũng như hoàn thành kế hoạch năm 2017.

Các thông tin của Công ty luôn công khai minh bạch, ủy quyền cho cán bộ chuyên trách phối hợp cùng đơn vị tư vấn thực hiện một cách kịp thời, chính xác. Báo cáo trung thực mọi hoạt động của Ban điều hành và hoạt động của Công ty cho Hội đồng quản trị theo định kỳ và bất cứ khi nào cần thiết.

Việc phối hợp giữa HĐQT, BKS và Ban Giám đốc được diễn ra thuận lợi trong năm và đạt hiệu quả cũng như tạo ra sự đồng bộ trong hoạt động của Ban lãnh đạo Công ty.



Qua kết quả sản xuất kinh doanh nhiều năm của Công ty, Hội đồng quản trị xác định chiến lược sản xuất kinh doanh là phát triển hoạt động cung ứng dịch vụ vận chuyển. Vì vậy, Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo, giám sát hoạt động đầu tư, bàn bạc trực tiếp với Ban Giám đốc về cơ cấu tổ chức và mô hình quản trị, nâng cao trình độ quản lý. Bên cạnh đó, tìm kiếm và chỉ đạo các phương án mở rộng hoạt động kinh doanh, đưa ra các nhận định, kế hoạch cho năm 2018 nhằm giúp Công ty phát triển bền vững, nâng cao vị thế cạnh tranh trong ngành.

CÁC BIỆN PHÁP HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH

- ✓ Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý của Công ty theo định hướng dài hạn.
- ✓ Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn cán bộ công nhân viên nhằm mục đích cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ, giữ vững lợi thế cạnh tranh cho Công ty.
- ✓ Sắp xếp, kiện toàn lại các phòng chức năng, các bộ phận sản xuất nhằm đảm bảo sự chuẩn bị tốt nhất, sẵn sàng tham gia ký kết các dự án mới trong năm 2018 và các năm tiếp theo.
- ✓ Đảm bảo tiến độ sản xuất – kinh doanh, tăng cường phát huy nguồn lực sẵn có và đầu tư thêm nhân sự, tài sản dài hạn phục vụ quá trình hoạt động trong năm.
- ✓ Nâng cấp các công trình phục vụ cho cán bộ, công nhân viên nhằm mang lại môi trường làm việc thoải mái và an toàn, góp phần nâng cao năng suất làm việc của người lao động trong Công ty.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ✓ Hội Đồng Quản Trị
- ✓ Ban Kiểm Soát
- ✓ Thù lao và các giao dịch



CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Dương Thị Mai Hưng	Chủ tịch HĐQT	1.340.454	30,67%
2	Ngô Thị Xuân Nữ	Thành viên HĐQT	449.131	10,28%
3	Huỳnh Văn Thành	Thành viên HĐQT	235.000	5,38%
4	Nguyễn Đức Vượng	Thành viên HĐQT	118.000	2,7%
5	Nguyễn Ngọc Thới	Thành viên HĐQT	112.320	2,57%
6	Nguyễn Hoàng Quân	Thành viên HĐQT kiêm GĐ	458.022	10,48%
7	Mai An Mỹ	Thành viên HĐQT kiêm Phó GĐ	98.010	2,24%

TÓM TẮT LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Hoàng Quân – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (xem phần lý lịch Ban Giám đốc)

Ông Mai An Mỹ – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc (xem phần lý lịch Ban Giám đốc)

Bà Dương Thị Mai Hưng – Chủ tịch HĐQT

Năm sinh	18/08/1977
Nơi sinh	Lấp Vò, Đồng Tháp
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế ngoại thương
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	-
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	1.340.454 cổ phiếu

Bà Ngô Thị Xuân Nữ – Thành viên HĐQT

Năm sinh	05/02/1966
Nơi sinh	Lai Vung
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Nông nghiệp
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	3.340 cổ phiếu
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	445.791 cổ phiếu

Ông Huỳnh Văn Thành – Thành viên HĐQT

Năm sinh	01/05/1960
Nơi sinh	Tiền Giang
Trình độ chuyên môn	Thuyền trưởng hạng I
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	-
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	235.000 cổ phiếu

Ông Nguyễn Đức Vượng – Thành viên HĐQT	
Năm sinh	06/01/1953
Nơi sinh	Ninh Bình
Trình độ chuyên môn	Kinh doanh xăng dầu
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	118.000 cổ phiếu
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-
Ông Nguyễn Ngọc Thới – Thành viên HĐQT	
Năm sinh	20/08/1959
Nơi sinh	An Giang
Trình độ chuyên môn	Kinh doanh xăng dầu
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	-
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	112.320 cổ phiếu

CÁC BUỔI HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Dương Thị Mai Hưng	Chủ tịch	03	100%	
2	Ngô Thị Xuân Nữ	Phó Chủ tịch	03	100%	
3	Huỳnh Văn Thành	Thành viên	02	67%	Bận việc riêng
4	Nguyễn Đức Vượng	Thành viên	02	67%	Bận việc riêng
5	Nguyễn Ngọc Thới	Thành viên	01	33%	Bận việc riêng
6	Nguyễn Hoàng Quân	Thành viên	03	100%	
7	Mai An Mỹ	Thành viên	03	100%	

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	10/01/2017	- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016, phương hướng năm 2017; - Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động giám sát của BKS.
2	02/NQ-HĐQT	14/09/2017	- Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2017; - Thông qua Báo cáo kết quả giám sát 9 tháng đầu năm của BKS.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty không có tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Lê Thị Thúy	Trưởng Ban	-	-
2	Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	10.434	0,24%

TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Bà Lê Thị Thúy - Trưởng BKS	
Năm sinh	14/10/1963
Nơi sinh	Hồng Ngự, Đồng Tháp
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	-
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

Bà Nguyễn Hồng Hải - Thành viên BKS	
Năm sinh	25/02/1963
Nơi sinh	Đồng Tháp
Trình độ chuyên môn	Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	4.170 cổ phiếu
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	6.264 cổ phiếu

CÁC BUỔI HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lê Thị Thúy	Trưởng Ban	03	100%	
2	Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	03	100%	

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- √ Ban kiểm soát thường xuyên kiểm tra, giám sát để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- √ Kiểm tra và thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017, tham gia lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty.
- √ Thường xuyên trao đổi thông tin tài liệu liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
- √ Trình bày báo cáo của BKS tại Đại hội đồng cổ đông.
- √ Trưởng BKS tham dự các cuộc họp của HĐQT và đóng góp ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- √ BKS với Ban GD và các cán bộ quản lý khác phối hợp hiệu quả trong năm 2017, BKS đã nhận được đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến tình hình SXKD và các hoạt động khác của Công ty. BKS đã có ý kiến đóng góp, đề xuất với HĐQT, Ban GD về các hoạt động của Công ty.

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương	Thưởng
1	Dương Thị Mai Hưng	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	-	60.000.000
2	Ngô Thị Xuân Nữ	Phó Chủ tịch HĐQT	24.000.000	-	30.000.000
3	Huỳnh Văn Thành	Thành viên HĐQT	24.000.000	-	30.000.000
4	Nguyễn Đức Vượng	Thành viên HĐQT	24.000.000	-	30.000.000
5	Nguyễn Ngọc Thới	Thành viên HĐQT	24.000.000	-	30.000.000
6	Nguyễn Hoàng Quân	Thành viên HĐQT kiêm GĐ	24.000.000	432.000.000	50.000.000
7	Mai An Mỹ	Thành viên HĐQT kiêm PGĐ	24.000.000	156.000.000	30.000.000
8	Lê Thị Thúy	Trưởng BKS	-	120.000.000	30.000.000
9	Nguyễn Hồng Hải	Thành viên BKS	18.000.000	96.000.000	17.000.000
10	Lê Thị Thanh	Kế toán trưởng	-	144.000.000	18.000.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty cổ phần Vận tải xăng dầu Đồng Tháp luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị Công ty.



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

- ✓ Ý kiến kiểm toán
- ✓ Báo cáo tài chính kiểm toán
năm 2017



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận Tài Xăng Dầu Đồng Tháp ("Công ty"), được lập ngày 24 tháng 03 năm 2018, từ trang 04 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận Tài Xăng Dầu Đồng Tháp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TRANG ĐẮC NHA

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 03 năm 2018



NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2860-2014-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐÔNG THÁP
Số 215 - 217, đường Trương Hán Siêu, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

			Đơn vị tính: VND	
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.686.001.012	17.998.845.881
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.898.501.282	12.995.345.931
Tiền	111		4.898.501.282	3.983.220.685
Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	9.012.125.246
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.668.093.304	4.648.926.070
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	2.693.809.256	3.777.053.061
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	20.000.000	54.450.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.264.124.248	1.127.263.209
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(309.840.200)	(309.840.200)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		62.312.364	224.563.443
Hàng tồn kho	141	5.6	62.312.364	224.563.443
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.057.094.062	130.010.437
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	7.629.167	130.010.437
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.049.464.895	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Số 215 - 217, đường Trương Hán Siêu, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

		Đơn vị tính: VND		
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		65.257.917.781	56.118.778.362
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		51.878.788.076	43.846.017.625
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	51.512.788.076	43.480.017.625
Nguyên giá	222		88.399.224.649	76.345.183.979
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.886.436.573)	(32.865.166.354)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	366.000.000	366.000.000
Nguyên giá	228		366.000.000	366.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
ất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
ĩ sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
ầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	9.552.975.886	9.552.975.886
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.805.976.460	15.805.976.460
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.253.000.574)	(6.253.000.574)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
ài sản dài hạn khác	260		3.826.153.819	2.719.784.851
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	3.826.153.819	2.719.784.851
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Chiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
NG CỘNG TÀI SẢN	270		78.943.918.793	74.117.624.243

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Số 215 - 217, đường Trương Hán Siêu, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

			Đơn vị tính: VND	
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
NỢ PHẢI TRẢ	300		10.865.263.196	8.033.982.301
Nợ ngắn hạn	310		8.976.163.196	6.720.590.381
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	863.819.003	640.980.572
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	733.052.498	522.732.782
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	2.129.770.568	2.181.909.136
Phải trả người lao động	314		1.488.174.695	1.565.817.171
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	323.530.024	106.712.444
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		136.436.865	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15.1	2.646.591.920	1.315.920.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.16	654.787.623	386.518.276
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		1.889.100.000	1.313.391.920
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15.2	1.889.100.000	1.313.391.920
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
 Số 215 - 217, đường Trương Hán Siêu, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		68.078.655.597	66.083.641.942
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	68.078.655.597	66.083.641.942
Vốn góp của chủ sở hữu	411		43.705.100.000	43.705.100.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		43.705.100.000	43.705.100.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.412.000	4.412.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		12.273.928.532	11.392.963.285
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		735.528.390	735.528.390
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.359.686.675	10.245.638.267
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>				
<i>lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		1.794.800.723	1.723.485.794
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		9.564.885.952	8.522.152.473
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		78.943.918.793	74.117.624.243

Cell

LÊ THỊ THANH
 Kế toán trưởng/ Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG QUÂN
 Giám đốc
 Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2018

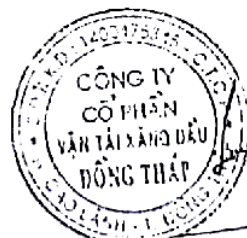
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
 Số 215 - 217, đường Trương Hán Siêu, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh
BAO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2017	2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	61.337.162.620	55.498.184.820
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		61.337.162.620	55.498.184.820
Giá vốn hàng bán	11	6.2	17.028.045.081	12.850.070.046
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.309.117.539	42.648.114.774
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.395.379.120	516.933.411
Chi phí tài chính	22	6.4	457.277.141	369.875.848
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>410.841.814</i>	<i>322.585.607</i>
Chi phí bán hàng	25	6.5	25.995.319.829	20.455.308.409
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	9.371.603.650	10.545.546.452
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.880.296.039	11.794.317.476
Thu nhập khác	31	6.7	1.814.360.481	51.752.400
Chi phí khác	32		-	890.698.985
Lợi nhuận khác	40		1.814.360.481	(838.946.585)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.694.656.520	10.955.370.891
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	2.129.770.568	2.145.718.418
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	31
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.564.885.952	8.809.652.473
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	2.189	1.774

Aut

LÊ THỊ THANH
 Kế toán trưởng/ Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG QUÂN
 Giám đốc
 Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

115 - 217, đường Trương Hán Siêu, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2017	2016
LU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
<i>lợi nhuận trước thuế</i>	01		11.694.656.520	10.955.370.891
Điều chỉnh cho các khoản:				
Chiều hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5.641.765.442	5.500.700.915
Chiều khoản dự phòng	03		-	309.840.200
Chiều, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại				
Chiều khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(30.018.580)
Chiều, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.165.681.249)	416.040.062
Chiều phí lãi vay	06		410.841.814	322.585.607
Chiều khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<i>lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>				
Điều thay đổi vốn lưu động	08		14.581.582.527	17.474.519.095
Chiều, giảm các khoản phải thu	09		(68.632.129)	2.710.617.715
Chiều, giảm hàng tồn kho	10		162.251.079	(171.189.496)
Chiều, giảm các khoản phải trả	11		672.579.398	(61.863.368)
Chiều, giảm chi phí trả trước	12		(983.987.698)	(1.159.555.654)
Chiều, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Chiều lãi vay đã trả	14		(410.841.814)	(322.585.607)
Chiều thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.145.718.418)	(520.613.481)
Chiều thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Chiều chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.182.888.950)	(1.280.961.000)
LU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	20		10.624.343.995	16.668.368.204
LU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Chiều chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và				
Chiều tài sản dài hạn khác	21		(14.263.015.921)	(4.012.870.463)
Chiều thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và				
Chiều tài sản dài hạn khác	22		2.372.529.929	3.363.636.364
Chiều chi cho vay, mua các công cụ nợ của				
Đơn vị khác	23		-	-
Chiều thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của				
Đơn vị khác	24		-	-
Chiều chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Chiều thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Chiều thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.381.631.348	474.658.923
LU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	30		(10.508.854.644)	(174.575.176)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
 215 - 217, đường Trương Hán Siêu, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)
 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2017	2016
ƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		4.000.000.000	2.430.150.740
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.093.620.000)	(3.136.845.370)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Đổi tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.118.714.000)	(5.244.612.000)
ƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	40		(4.212.334.000)	(5.951.306.630)
ƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM	50		(4.096.844.649)	10.542.486.398
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		12.995.345.931	2.422.840.953
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	30.018.580
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		8.898.501.282	12.995.345.931

CTV

TRẦN THẠNH
 Giám đốc/ Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG QUÂN
 Giám Đốc
 Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- Vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Mua bán xăng dầu, nhớt.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty không có công ty con, công ty liên doanh, liên kết

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tổng số nhân viên của Công ty là 100 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 100 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 đến dưới 02 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chủ yếu là chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 14 năm

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

4.10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.14 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
 Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.15 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty và các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp Hội đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc	Công ty mẹ Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	424.602.147	37.373.930
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- VND	4.059.004.624	2.456.883.721
- USD	414.894.511	1.488.963.034
Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	9.012.125.246
	8.898.501.282	12.995.345.931^{NH}

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Gốc ngoại tệ	NG HỨ VND ₁
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- USD	18.269,82	414.894.511 ^{NH}

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn một tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp có lãi suất từ 4,7% năm.

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	2.200.539.457	2.675.870.405
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty TNHH TM XNK Xăng Dầu	-	625.410.825
Ông Lý Văn Danh	133.363.000	133.363.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ông Nguyễn Công Minh	98.223.200	98.223.200
Phải thu các khách hàng khác	261.683.599	244.185.631
	<u>2.693.809.256</u>	<u>3.777.053.061</u>

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán khác		
Cơ sở Sản xuất và Sửa chữa Lê Duy Tân	-	29.450.000
Ông Đặng Hồng Đức	20.000.000	20.000.000
Phải trả cho người bán khác	-	5.000.000
	<u>20.000.000</u>	<u>54.450.000</u>

5.4 Phải thu ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu về tạm ứng	1.240.854.138	-	1.050.046.312	-
Phải thu tiền bồi thường	23.270.110	-	77.216.897	-
	<u>1.264.124.248</u>	<u>-</u>	<u>1.127.263.209</u>	<u>-</u>

5.5 Nợ xấu

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND
Nợ quá hạn của các cá nhân khác				
Nợ quá hạn trên 3 năm				
Ông Huỳnh Thanh Phương	23.860.000	-	23.860.000	-
Ông Lý Văn Danh	133.363.000	-	133.363.000	-
Ông Nguyễn Công Minh	98.223.200	-	98.223.200	-
Ông Nguyễn Văn Lon	54.394.000	-	54.394.000	-
	<u>309.840.200</u>	<u>-</u>	<u>309.840.200</u>	<u>-</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn VND	Nợ phải thu, cho vay dài hạn VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2017	(309.840.200)	-	(309.840.200)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	<u>(309.840.200)</u>	<u>-</u>	<u>(309.840.200)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
 Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	62.312.364	-	224.563.443	-
	62.312.364	-	224.563.443	-

5.7 Chi phí trước ngắn hạn, dài hạn

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí sửa chữa	7.629.167	130.010.437
	7.629.167	130.010.437

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tàu	3.243.990.183	2.719.784.851
Phí bảo hiểm	582.163.636	-
	3.826.153.819	2.719.784.851

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2017	2.215.883.025	74.129.300.954	76.345.183.979
Mua trong năm	-	1.255.845.909	1.255.845.909
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	13.007.170.012	13.007.170.012
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.208.975.251)	(2.208.975.251)
Tại ngày 31/12/2017	2.215.883.025	86.183.341.624	88.399.224.649
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2017	802.691.914	32.062.474.440	32.865.166.354
Khấu hao trong năm	158.277.360	5.483.488.082	5.641.765.442
Giảm do thanh lý	-	(1.620.495.223)	(1.620.495.223)
Tại ngày 31/12/2017	960.969.274	35.925.467.299	36.886.436.573
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2017	1.413.191.111	42.066.826.514	43.480.017.625
Tại ngày 31/12/2017	1.254.913.751	50.257.874.325	51.512.788.076

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình theo sổ sách là 11.660.790.006 VND đã được thế chấp, cầm cố cho các khoản vay của Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đây là quyền sử dụng đất không thời hạn nên không trích khấu hao.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị quyền sử dụng đất được cầm cố bảo đảm các khoản vay tại ngân hàng.

5.10 Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty CP Vận Tải Dầu Khí MeKong	7.046.000.000	(*)	(6.253.000.574)	7.046.000.000	(*)	(6.253.000.574)
Công ty CP BMC Đồng Tháp	2.626.576.460	(*)	-	2.626.576.460	(*)	-
Công ty CP Dịch Vụ Du Lịch Mỹ Trà	300.000.000	(*)	-	300.000.000	(*)	-
Công ty CP Vận Tải Biển Khai Nguyên	5.833.400.000	(*)	-	5.833.400.000	(*)	-
	15.805.976.460	(*)	(6.253.000.574)	15.805.976.460	(*)	(6.253.000.574)

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	2017 VND	2016 VND
Tại ngày 01/01/2017	(6.253.000.574)	(6.253.000.574)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Tại ngày 31/12/2017	(6.253.000.574)	(6.253.000.574)

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty CP Nhiên Liệu Đồng Tháp	-	165.209.550
Công ty TNHH Thương Mại Gia Luân	-	84.337.000
Công ty Bảo Việt Đồng Tháp	773.838.000	347.975.222
Các nhà cung cấp khác	89.981.003	43.458.800
	863.819.003	640.980.572

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
 Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Xăng Dầu	500.380.013	-
Kho BVM Kampuchia	194.652.425	378.991.740
Các khách hàng khác	38.020.060	143.741.042
	<u>733.052.498</u>	<u>522.732.782</u>

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2017	Số phát sinh trong năm		31/12/2017
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	36.190.718	152.750.754	(188.941.472)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.145.718.418	2.129.770.568	(2.145.718.418)	2.129.770.568
Các loại thuế khác	-	134.311.824	(134.311.824)	-
	<u>2.181.909.136</u>	<u>2.416.833.146</u>	<u>(2.468.971.714)</u>	<u>2.129.770.568</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng theo từng lĩnh vực theo quy định thuế suất thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp "TNDN" phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	2017 VND	2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.694.656.520	10.955.370.891
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(1.045.803.680)	(226.778.800)
- Các khoản điều chỉnh tăng	132.000.000	80.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.177.803.680)	(306.778.800)
Thu nhập tính thuế	10.648.852.840	10.728.592.091
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.129.770.568	2.145.718.418

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty áp dụng là 20%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hàn Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trích trước chi phí hoạt động kinh doanh	323.530.024	106.712.444
	323.530.024	106.712.444

5.15 Vay ngắn hạn, dài hạn

5.15.1 Vay ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn các tổ chức khác				
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 5.15.2)	2.646.591.920	2.646.591.920	1.315.920.000	1.315.920.000
	2.646.591.920	2.646.591.920	1.315.920.000	1.315.920.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng trong năm như sau:

	01/01/2017 VND	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2017 VND
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp	1.315.920.000	2.646.591.920	(1.315.920.000)	2.646.591.920
	1.315.920.000	2.646.591.920	(1.315.920.000)	2.646.591.920

5.15.2 Vay dài hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp (*)	4.535.691.920	4.535.691.920	2.629.311.920	2.629.311.920
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả				
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp	(2.646.591.920)	(2.646.591.920)	(1.315.920.000)	(1.315.920.000)
	1.889.100.000	1.889.100.000	1.313.391.920	1.313.391.920

(*) Đây là khoản vay tại ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 4400.17.710.2553842.TD được ký kết ngày 08 tháng 05 năm 2017

Chi tiết như sau:

Mục đích : Đầu tư đóng mới tàu dầu 2.350 tấn (2350T/HMR-123TD)

Thời hạn vay : 36 tháng

Lãi suất vay : kỳ tính lãi đầu tiên là 8,5%/năm sau đó có điều chỉnh lãi suất

Hình thức đảm bảo : Thế chấp các tài sản sau:

- Tàu SAVIMEX 09: giá trị còn lại tại 31/12/2017 là 11.660.790.006 VND
- Thửa đất số 268, đường số 3 - KDC 43 căn, Phường Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Tài sản gắn liền với đất là Trụ sở văn phòng công ty.
- Thửa đất số 291, đường số 3 - KDC 43 căn, Phường Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Tài sản gắn liền với đất là Trụ sở văn phòng công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
 Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND
Tại ngày 31/12/2017			
Vay dài hạn ngân hàng			
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp	4.535.691.920	2.646.591.920	1.889.100.000
	<u>4.535.691.920</u>	<u>2.646.591.920</u>	<u>1.889.100.000</u>
Tại ngày 01/01/2017			
Vay dài hạn ngân hàng			
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp	2.629.311.920	1.315.920.000	1.313.391.920
	<u>2.629.311.920</u>	<u>1.315.920.000</u>	<u>1.313.391.920</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn tại ngân hàng trong năm như sau:

	01/01/2017 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn VND	31/12/2017 VND
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp	1.313.391.920	4.000.000.000	(777.700.000)	(2.646.591.920)	1.889.100.000
	<u>1.313.391.920</u>	<u>4.000.000.000</u>	<u>(777.700.000)</u>	<u>(2.646.591.920)</u>	<u>1.889.100.000</u>

5.16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2017 VND	Tăng do trích lập từ lợi nhuận VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2017 VND
Quỹ khen thưởng	41.880.217	616.675.673	(565.119.950)	93.435.940
Quỹ phúc lợi xã hội	344.638.059	440.482.624	(223.769.000)	561.351.683
	<u>386.518.276</u>	<u>1.057.158.297</u>	<u>(788.888.950)</u>	<u>654.787.623</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI XĂNG ĐẦU ĐỒNG THÁP
 Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.17 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

	Vốn đầu tư của CSH		Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND					
Năm trước							
Tại ngày 01/01/2016	43.705.100.000	4.412.000	4.412.000	735.528.390	10.609.374.058	8.929.276.248	63.983.690.696
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	8.809.652.473	8.809.652.473
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	783.589.227	(783.589.227)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(783.589.227)	(783.589.227)
Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016	-	-	-	-	-	(287.500.000)	(287.500.000)
Chi thường ban điều hành	-	-	-	-	-	(394.000.000)	(394.000.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(5.244.612.000)	(5.244.612.000)
Tại ngày 31/12/2016	43.705.100.000	4.412.000	4.412.000	735.528.390	11.392.963.285	10.245.638.267	66.083.641.942
Năm nay							
Tại ngày 01/01/2017	43.705.100.000	4.412.000	4.412.000	735.528.390	11.392.963.285	10.245.638.267	66.083.641.942
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	9.564.885.952	9.564.885.952
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	880.965.247	(880.965.247)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.057.158.297)	(1.057.158.297)
Chi thường ban điều hành	-	-	-	-	-	(394.000.000)	(394.000.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(6.118.714.000)	(6.118.714.000)
Tại ngày 31/12/2017	43.705.100.000	4.412.000	4.412.000	735.528.390	12.273.928.532	11.359.686.675	68.078.655.597

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
 Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.17.2 Chi tiết vốn góp của cổ đông sáng lập

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	22.289.560.000	51,00	22.289.560.000	51,00
Công ty TNHH Thương Mại Vận Tải Thành Lực	2.350.000.000	5,38	2.350.000.000	5,38
Các cổ đông khác	19.065.540.000	43,62	19.065.540.000	43,62
	43.705.100.000	100,00	43.705.100.000	100,00

Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.370.510	4.370.510
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.370.510	4.370.510
• Cổ phiếu phổ thông	4.370.510	4.370.510
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.370.510	4.370.510
• Cổ phiếu phổ thông	4.370.510	4.370.510
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 ngày 21 tháng 04 năm 2017 như sau:

	VND
• Chia cổ tức	: 6.118.714.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 880.965.247
• Trích khen thưởng phúc lợi	: 1.057.158.297
• Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	: 394.000.000

5.18 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

5.18.1 Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND	Nguyên nhân xóa
Xóa nợ phải thu Trạm Xăng Dầu Sa Đéc	178.056.600	178.056.600	Do Công ty nhận thấy những khoản phải thu này không có khả năng thu hồi
	178.056.600	178.56.600	

5.18.2 Ngoại tệ các loại

	31/12/2017	01/01/2017
Dollar Mỹ (USD)	18.269,82	65.544,87

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
 Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>61.337.162.620</u>	<u>55.498.184.820</u>
	61.337.162.620	55.498.184.820

6.2 Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	<u>17.028.045.081</u>	<u>12.850.070.046</u>
	17.028.045.081	12.850.070.046

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	206.090.048	167.880.123
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.175.541.300	306.778.800
Lãi chênh lệch tỷ giá	<u>13.747.772</u>	<u>42.274.488</u>
	1.395.379.120	516.933.411

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	410.841.814	322.585.607
Lỗ chênh lệch tỷ giá	<u>46.435.327</u>	<u>47.290.241</u>
	457.277.141	369.875.848

6.5 Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	9.087.972.949	9.132.431.143
Chi phí vật liệu, bao bì	191.892.130	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	136.864.440	3.450.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.895.032.804	4.912.323.996
Các chi phí bán hàng khác	<u>13.683.557.506</u>	<u>6.407.103.270</u>
	25.895.319.829	20.455.308.409

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
 Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.889.340.698	1.697.553.706
Chi phí đồ dùng văn phòng	95.226.545	2.800.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.746.732.638	588.376.919
Thuế, phí và lệ phí	809.695.881	873.381.653
Chi phí dự phòng	-	309.840.200
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.830.607.888	7.073.593.974
	9.371.603.650	10.545.546.452

6.7 Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Lãi thanh lý tài sản	1.784.049.901	-
Trong đó:		
- Thu thanh lý tài sản cố định	2.709.090.909	-
- Giá trị còn lại của tài sản cố định	(588.480.028)	-
- Chi phí thanh lý tài sản	(336.560.980)	-
Bán phế liệu	26.400.000	15.000.000
Các khoản thu nhập khác	3.910.580	36.752.400
	1.814.360.481	51.752.400

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	9.564.885.952	8.809.652.473
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(1.057.158.297)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.057.158.297)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.564.885.952	7.752.494.176
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.370.510	4.370.510
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.189	1.774

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.452.028.196	12.858.320.046
Chi phí nhân công	11.977.313.647	10.829.984.849
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.641.765.442	5.500.700.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.814.723.253	3.421.131.019
Chi phí khác	12.509.138.022	10.932.947.878
	52.394.968.560	43.541.084.707

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu, chi phí thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Các khoản vay và nợ	2.646.591.920	1.889.100.000	4.535.691.920
Phải trả người bán	863.819.003	-	863.819.003
Chi phí phải trả	323.530.024	-	323.530.024
	3.833.940.947	1.889.100.000	5.723.040.947
Ngày 01 tháng 01 năm 2017			
Các khoản vay và nợ	1.315.920.000	1.313.391.920	2.629.311.920
Phải trả người bán	640.980.572	-	640.980.572
Chi phí phải trả	106.712.444	-	106.712.444
	2.063.613.016	1.313.391.920	3.377.004.936

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp đất đai và phương tiện vận tải của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.8).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2016 và 31/12/2017.

iv. Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Các khoản phải thu				
Phải thu bên thứ ba	183.429.599	791.342.456	183.429.599	791.342.456
Phải thu các bên liên quan	2.200.539.457	2.675.870.405	2.200.539.457	2.675.870.405
Các khoản phải thu khác	23.270.110	77.216.897	23.270.110	77.216.897

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
 Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Đầu tư dài hạn khác	9.552.975.886	9.552.975.886	9.552.975.886	9.552.975.886
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.898.501.282	12.995.345.931	8.898.501.282	12.995.345.931
	20.675.286.735	25.301.409.119	20.675.286.735	25.301.409.119
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay và nợ	4.535.691.920	2.629.311.920	4.535.691.920	2.629.311.920
Phải trả người bán	863.819.003	640.980.572	863.819.003	640.980.572
Chi phí phải trả	323.530.024	106.712.444	323.530.024	106.712.444
	5.723.040.947	3.377.004.936	5.723.040.947	3.377.004.936

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016. Ban Giám đốc đã trình bày giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Công ty mẹ, các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với Công ty mẹ

Giao dịch với công ty mẹ

	2017 VND	2016 VND
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	31.750.107.889	31.783.493.612
Trả cổ tức	3.120.538.400	2.674.747.200
Bồi thường hàng thiếu	1.216.312.200	927.670.900
Mua dầu nhớt	603.145.454	560.755.227
Số dư của Công ty mẹ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.200.539.457	2.675.870.405

8.1.2 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	2017 VND	2016 VND
Chia cổ tức cho thành viên chủ chốt	149.304.000	149.304.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Không có các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2017 VND	2016 VND
Tiền lương, thưởng	1.032.400.000	952.200.000
Tiền thù lao	198.000.000	226.000.000
	<u>1.230.400.000</u>	<u>1.178.200.000</u>

8.1.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

8.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là kinh doanh đường và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

8.3 Trình bày lại số liệu so sánh

Công ty trình bày lại thông tin về Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 do điều chỉnh lại số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 theo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông ngày 21 tháng 04 năm 2017.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Mã số	2016 Số liệu đã trình bày VND	Điều chỉnh tăng/ (giảm) VND	2016 Số liệu trình bày lại VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.016	(242)	1.774

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Aut

LÊ THỊ THANH

Kế toán trưởng/ Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG QUÂN

Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2018



Đồng Tháp, ngày 18 tháng 4 năm 2018

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Hoàng Quân